Family and Friends 2

Ôn tập: Unit starter – 1 – 2 – 3

Bài 1. Ghi tên các màu:

orange			

Bài 2: Điền từ còn thiếu

A: How __old__ are you?	A: How _____ you?	A: How _____?
B: I'm _____eight_____.	B: I'm _____.	B: _____.

Bài 3: Khoanh tròn chữ cái đầu

1.	2.
a b c	a b c
3.	4.
d e f	d e f
5.	6.

LIVEWORKSHEETS

g h i	g h i
7.	8.
j k l	j k l
9.	10.
m n o	m n o
11.	12.
p q r	p q r
13.	14.
s t u v	s t u v

Bài 4: Đánh dấu (✓) đúng và (X) sai

LIVEWORKSHEETS

1

What day is it today?
It's Tuesday. ☐

2

What day is it today?
It's Sunday. ☐

3

What day is it today?
It's Friday. ☐

4

What day is it today?
It's Saturday. ☐

5

What day is it today?
It's Wednesday. ☐

Bài 5: Điền "little" và "big"

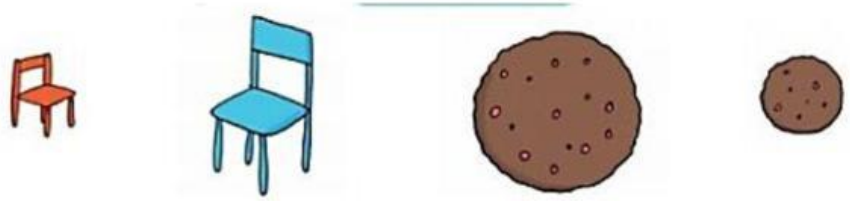

1. It's a ..... chair.	2. It's a ..... chair.	3. It's a ..... cookie	4. It's a ..... cookie

Bài 6: Nối

LIVEWORKSHEETS

Bài 7: Điền từ còn thiếu

Yes	dad	brother	~~sister~~	No	Yes

1

Is this your sister?

_____, it is.

2

Is this your _____?

_____, it is.

3

Is this your _____?

_____, it isn't. This is my grandpa.

Bài 8: Nhìn và ghi từ

1. happy	2.	3.	4.	5.	6.

LIVEWORKSHEETS

Bài 9: Điền “He’s” or “She’s”

He’s She’s

1 She’s cold.

2 He’s hot.

3 _____ hungry.

4 _____ thirsty.

5 _____ sad.

6 _____ happy.

Bài 10: Nối

LIVEWORKSHEETS

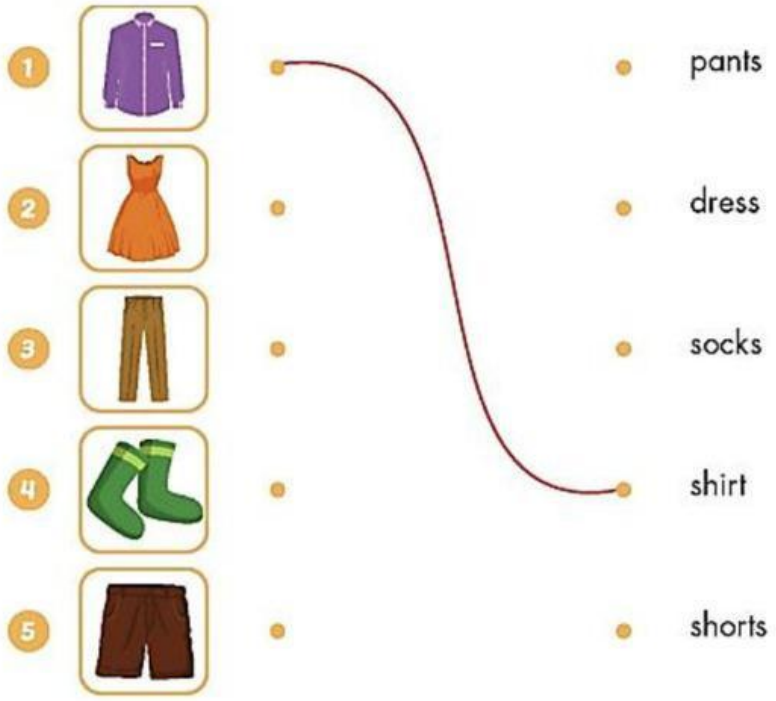

Bài 11: Nhìn và điền từ

his her

1

Are these her socks?

2

Are these _____ shoes?

3

Are these _____ pants?

Bài 12: Nghe và khoanh hình đúng

LIVEWORKSHEETS

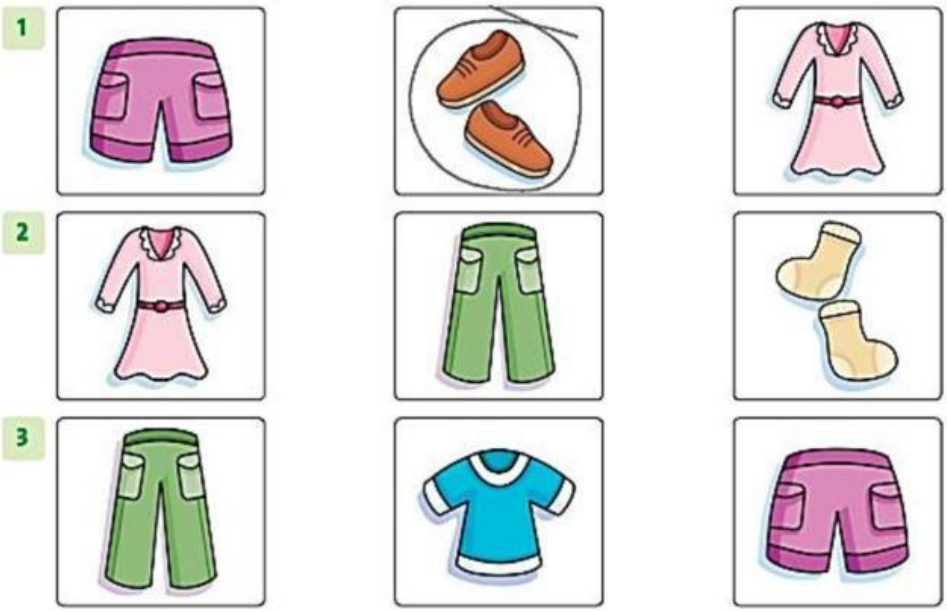

Bài 13: Đếm số và ghi

1.

- _6_ six

2. __ _____

3. __ _____

4. __ _____

5. __ _____

LIVEWORKSHEETS